

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 533/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2018

Về việc: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Kim Hồng;

2. Ông Nguyễn Như Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thom -Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hải Y, sinh năm 1976; địa chỉ: Số A chung cư Hoàng Anh Gia Lai 1, số 357 đường L, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

Bị đơn: Ông Đậu Minh H, sinh năm 1969; địa chỉ: Số A chung cư Hoàng Anh Gia Lai 1, số 357 đường L, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/4/2018, bản tự khai ngày 24/5/2018, biên bản hòa giải ngày 20/6/2018, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Hải Y xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà và ông Đậu Minh H qua thời gian tìm hiểu được 02 (hai) năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh H cấp ngày 04/11/1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, theo bà nguyên nhân do vợ chồng không còn tình cảm với nhau, vợ chồng không chia sẻ được mọi việc trong cuộc sống. Bà xác định tình

cảm dành cho ông H không còn. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không được, sự việc ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, nên bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đậu Minh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung họ tên Đậu Vũ Quỳnh A (nữ), sinh ngày 16/8/1996 (đã trưởng thành) và Đậu Diệu T (nữ), sinh ngày 21/6/2004. Bà yêu cầu sau khi ly hôn, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đậu Diệu Thảo. Ông H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có.

Việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào khác.

Tại biên bản lần lời khai ngày 20/6/2018, biên bản hòa giải ngày 20/6/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Đậu Minh H trình bày như sau:

Ông và bà Phạm Thị Hải Y qua thời gian tìm hiểu 02 (hai) năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh H cấp ngày 04/11/1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một khoảng thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H bản tính không lãng mạn và thời gian gần đây có tình cảm với người phụ nữ khác nhưng đã chấm dứt. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Nay bà Y khởi kiện yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung họ tên: Đậu Vũ Quỳnh A (nữ), sinh ngày 16/8/1996 (đã trưởng thành) và Đậu Diệu T (nữ), sinh ngày 21/6/2004.

Trường hợp vợ chồng ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đậu Diệu Thảo, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con. Nếu giao con cho bà Y nuôi dưỡng thì ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào khác.

Ông Đậu Minh H đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải vào ngày 04/7/2018 và tham phiên tòa vào các ngày 25/7/2018, ngày 15/8/2018 nhưng ông H vắng mặt không có lý do.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến***

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng bà Y đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, ông H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Bà Y và ông H kết hôn năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Y là do vợ chồng không còn tình cảm với nhau, vợ chồng không chia sẻ được mọi việc trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân hơn 01 năm nay. Còn theo ông H thì nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do ông không có tình lãng mạn, trước đây ông có ngoại tình nhưng đã chấm dứt.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Y và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại, hai vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy bà Y yêu cầu được ly hôn với ông H là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung họ tên: Đậu Vũ Quỳnh A (nữ), sinh ngày 16/8/1996 (đã trưởng thành) và Đậu Diệu T (nữ), sinh ngày 21/6/2004. Tại bản tự khai ngày 13/6/2018 trẻ Đậu Diệu Thảo khai có nguyện vọng được ở với mẹ nếu ba mẹ ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

* Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

1.1 Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ nhất ngày 25/7/2018 nguyên đơn bà Phạm Thị Hải Y có đơn yêu cầu hoãn phiên tòa, bị đơn ông Đậu Minh H vắng mặt. Phiên tòa mở lần thứ hai bị đơn ông Đậu Minh H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng ông Đậu Minh H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về quan hệ tranh chấp: Qua xem xét nội dung vụ án thì đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

1.3 Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị Hải Y yêu cầu được ly hôn với ông Đậu Minh H cư trú tại địa chỉ A chung cư Hoàng Anh Gia Lai 1, số 357 đường L, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7.

2. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hải Y và ông Đậu Minh H qua thời gian tìm hiểu 02 (hai) năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh H cấp ngày 04/11/1994, xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà Y trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc bà không còn tình cảm với ông H, vợ chồng không chia sẻ được mọi việc trong cuộc sống. Vợ chồng cũng đã có thời gian sống ly thân hơn 01 năm nên yêu cầu ly hôn với ông H. Theo ông H trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông không có tính lãng mạn, thời gian gần đây có tình cảm với người phụ nữ khác nhưng đã chấm dứt. Tuy nhiên ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên với yêu cầu ly hôn của bà Y ông không đồng ý.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Y vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu ly hôn với ông H. Bị đơn ông H không đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt tại buổi hòa

giải đoàn tụ ngày 04/7/2018 và vắng mặt tại phiên tòa ngày 25/7/2018, ngày 15/8/2018 không có lý do.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, cả hai cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc. Hôn nhân phải có sự yêu thương chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau, phải xuất phát từ tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, căn cứ vào các Bản tự khai, Biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, cả bà Y và ông H đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng của cả hai có xảy ra mâu thuẫn. Ông H không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đến Tòa để hòa giải đoàn tụ, không trình bày được phương án hòa giải cũng như biện pháp để vợ chồng hàn gắn và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời trình bày của các đương sự cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 54 đăng ký ngày 27/8/1996 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh H; Giấy khai sinh số 104, quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh H cấp ngày 28/6/2004 và lời khai của các đương sự đã có đủ cơ sở để kết luận: Bà Y và ông H có 02 (hai) con chung họ tên Đậu Vũ Quỳnh A (nữ), sinh ngày 16/8/1996 (đã trưởng thành) và Đậu Diệu T (nữ), sinh ngày 21/6/2004.

Hội đồng xét xử xét thấy trẻ Đậu Diệu T có nguyện vọng ở với mẹ, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu này của trẻ để tạo tâm lý ổn định cho trẻ;

- Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xét.
- Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xét.

3. Về nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 57, 58 các Điều 81, 82 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Xử:

- Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn.
- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hải Y và ông Đậu Minh H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung họ tên Đậu Vũ Quỳnh A (nữ), sinh ngày 16/8/1996 (đã trưởng thành) và Đậu Diệu T (nữ), sinh ngày 21/6/2004. Giao con chung là trẻ Đậu Diệu T cho bà Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông H không cấp dưỡng nuôi con. Ông Đậu Minh H được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung là trẻ Đậu Diệu T, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Về nợ chung: Không có

5. Án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Thị Hải Y phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0025443 ngày 10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Y đã nộp đủ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Thị Diễm Phương